

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2025/DS-ST

Ngày 24 tháng 09 năm 2025

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 6 - VL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bút;

Ông Nguyễn Văn Hơ.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân KV6-VL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6-VL tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV6-VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 06 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2025/QĐXXST-DS, ngày 18 tháng 08 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1963; địa chỉ: ấp SC, xã SD, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp SC, xã PPh, tỉnh VL). Có mặt.

Bị đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1976; địa chỉ: ấp SC, xã SD, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp SC, xã PPh, tỉnh VL). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn (bà G) trình bày: nguyên vào ngày 18/10/2019, bà D đến nhà bà nhờ gia đình bà giúp đỡ vì kẹt vốn làm ăn (lúc vay bà D nói vay tiền để mua đất canh tác). Vì quen biết nhau nhiều năm nên bà đồng ý cho bà D vay số tiền là 40.000.000đ với lãi suất 3% tháng, thời gian vay là 03 tháng sẽ trả lại đủ lãi và gốc (có hợp đồng thỏa thuận cho mượn tiền). Đến hết thời hạn thanh toán nợ lãi và gốc bà có đến gặp bà D yêu cầu bà D thanh toán nợ theo hợp đồng vay đã ký vào ngày 18/10/2019, bà D đồng ý và hứa sẽ trả nợ cho bà tuy nhiên sau đó qua nhiều lần hứa hẹn, bà D vẫn không thực hiện việc trả nợ vay cho bà, rồi sau đó bà D cố tình tránh né và bỏ trốn, những lần bà đến nhà tìm nhưng không gặp được bà D.

Qua nhiều lần tìm kiếm bà D để yêu cầu bà D thanh toán nợ cho bà nhưng bà D cố tình tránh né và không liên lạc được. Xét thấy, đây là một vụ lợi dụng sự quen biết giữa bà D và gia đình bà, nên bà D đã lừa dối bà để vay mượn tiền rồi sau đó lẩn trốn.

Nay bà G yêu cầu cá nhân bà D có trách nhiệm trả lại cho bà tổng số tiền gốc là 40.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi trong thời gian qua.

Bị đơn bà D: mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà như: thông báo về việc thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện, tất cả các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, thông báo kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bà vẫn không có ý kiến phản hồi, mà vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: **Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị G số tiền gốc là 40.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* nguyên đơn (bà G) kiện bị đơn (bà D) yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc là 40.000.000đồng nên đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Bị đơn có nơi cư trú: 196/9 ấp SC, xã SD, huyện CL, tỉnh BT (nay là ấp SC, xã PPh, tỉnh VL) nên Tòa án nhân dân KV6-VL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn (bà D) đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị G) về việc yêu cầu bị đơn (bà Nguyễn Thị Ngọc D) phải trả cho bà G số tiền gốc 40.000.000đồng và cung cấp chứng cứ là “Hợp đồng thỏa thuận cho mượn ngày 18/10/2019A1”. Nội dung biên nhận thể hiện như sau: “...*Bên A (bên cho mượn tiền - bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1963) giao cho bên B (bên mượn tiền bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm:*

1976 số CMND 320905428 cấp ngày 21/11/2012, địa chỉ ấp SC, xã SĐ, huyện CL, tỉnh BT nay là ấp SC, xã PPh, tỉnh VL) mượn số tiền 40.000.000đồng (bốn mươi triệu) ngày mượn là 18/10/2019Al, lãi suất 3%/tháng, thời hạn 03 tháng...” đại diện bên B (bên mượn) ký tên và ghi họ tên.

Xét về hình thức “*hợp đồng thỏa thuận cho mượn tiền*” mặc dù không có công chứng, chứng thực nhưng thể hiện rõ họ tên, số chứng minh nhân dân và địa chỉ nơi cư trú cụ thể của bên nhận. Đồng thời, qua kết quả tra cứu cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư - Công an xã PPh ngày 19/8/2025 đã xác định đúng như địa chỉ cư trú, số CMND/ hiện định danh cá nhân 083176010596 đúng với họ tên, năm sinh và CMND/định danh cá nhân do nguyên đơn cung cấp. Do đó, việc bà D không đến Tòa là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Vì vậy, Tòa án nhân dân KV6-VL thụ lý, giải quyết là phù hợp khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Mặc khác, sau khi được Tòa án tổng đạt hợp lệ các chứng cứ là “*hợp đồng thỏa thuận cho mượn tiền do nguyên đơn cung cấp cùng với thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả công khai chứng cứ*”, nhưng bà D vẫn không có ý kiến phản hồi. Chứng tỏ, bà D không có khiếu nại gì với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu như trên. Theo hợp đồng thỏa thuận thì bà D phải có nghĩa vụ thanh toán tất nợ cho bà G trong thời hạn 03 tháng, tại phiên tòa bà G xác định bà D chưa thanh toán cho bà G được số tiền mà bà D đã mượn của bà, mặc dù nhiều lần bà yêu cầu bà D thanh toán nợ, nhưng bà D hứa hẹn rồi vẫn không thực hiện, đến sau này bà D tránh né bà nên bà mới khởi kiện. Điều có cho thấy, bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà G theo thỏa thuận, nên việc bà G khởi kiện bà D là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Theo văn bản thỏa thuận cho mượn tiền có ghi nhận đây là số tiền vay chứ không phải tiền mượn. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa hôm nay phía bà G khẳng định đây là tiền mượn, bà không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

[5] Từ các căn cứ trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV6-VL là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 40.000.000đ x 5% = 2.000.000đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Ghi nhận việc bà G không yêu cầu tính lãi trong thời gian qua.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $40.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.000.000 \text{ đồng}$.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000 đồng.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT, TT& THA TAND tỉnh VL;
- VKSND KV6-VL;
- Phòng THADS KV6-VL;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

